

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Hà Nội, tháng 4/2015

PHỤ LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.....	3
1 Thông tin khái quát	3
2 Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3 Ngành nghề kinh doanh chính.....	4
4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5 Định hướng phát triển	9
6 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty	9
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	11
1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2 Tổ chức và nhân sự	11
2.1. <i>Danh sách Ban điều hành:</i>	11
2.2. <i>Thay đổi Ban điều hành trong năm:</i> Có.....	20
3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	21
4 Tình hình tài chính của công ty thời điểm 31/12/2014:	21
5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	22
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	23
1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	23
2 Tình hình tài chính	24
3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	24
4 Kế hoạch phát triển trong tương lai	25
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	25
1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	25
2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	26
3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	26
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	26
1 Hội đồng quản trị	27
2 Ban Kiểm soát	28
3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	29
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	30

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tổ chức:	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY
Tên giao dịch quốc tế	: SonTay urban construction and environment Joint Stock Company
Trụ sở chính	: Số 02 phố Phùng Hưng, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
Điện thoại	: (04) 3383 4530
Fax	: (04) 3383 2183
Email	: dothisontay@gmail.com
Website	: moitruongdothisontay.com.vn
Vốn điều lệ	: 18.760.000.000 đồng (Mười tám tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng)
Mã cổ phiếu:	STU
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500239004 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/09/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/10/2014.

2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tiền thân là đội vệ sinh đô thị thuộc Ban xây dựng thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Ngày 22/12/1982, UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 5110/QĐ/UBND thành lập xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng.
- Năm 1991, thị xã Sơn Tây được chuyển về khi tái lập tỉnh Hà Tây. Xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây được đổi tên là Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng (1992).
- Ngày 13/12/1996, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 979 chuyển Công ty thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích có tên là Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.
- Ngày 10/7/2008, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 2248/QĐ-UBND chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.
- Ngày 11/09/2008, Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên được tổ chức và Công ty chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh Công ty cổ phần số 0103026959 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu vào ngày 25 tháng 09 năm 2008.

- Ngày 9/7/2009, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây đã đăng ký trở thành công ty đại chúng.
- Ngày 19/7/2010, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận số 174/2010/GCNCP-VSD chấp thuận cho Công ty được đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Ngày 17/03/2011, Công ty đã tiến hành bàn giao phần vốn nhà nước 36% về Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO) theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội.
- Ngày 29/07/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây. Số cổ phiếu chào bán là 750.400 cổ phần tương đương với 7.504.000.000 đồng (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
- Ngày 11/10/2011, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây đã hoàn thiện các thủ tục để xin cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần và ghi nhận phần vốn 7.504.000.000 đồng từ ngày 01/11/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 11.256.000.000 đồng lên 18.760.000.000 đồng.
- Ngày 24/02/2012, Công ty phát hành thành công 750.400 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 11/04/2014, Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và bầu nhiệm kỳ mới (2014-2018) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500239004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/09/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/10/2014 với ngành nghề kinh doanh như sau:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm các dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;

➤ Xử lý môi trường làng nghề;

✚ Ngành nghề kinh doanh chính:

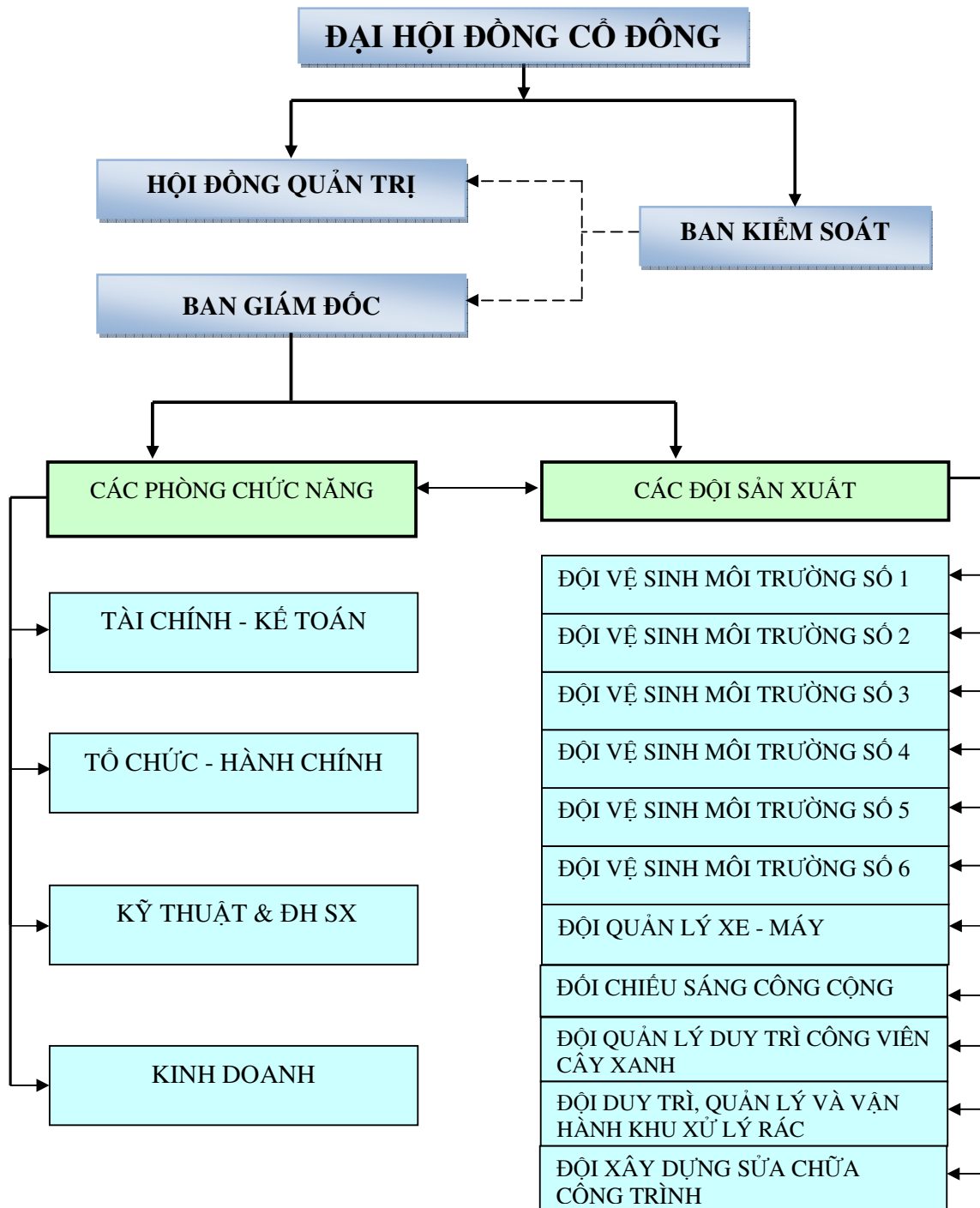
Ngành nghề kinh doanh chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất từ năm 2013-2014 của Công ty bao gồm:

Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường

✚ Địa bàn kinh doanh (địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Thị xã Sơn Tây

4 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và

của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền như: quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện nay, HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Xuân Huynh
2	Phó Chủ tịch HĐQT	Lê Văn Thục
3	Ủy viên HĐQT	Vũ Ngọc Nghĩa
4	Ủy viên HĐQT	Nguyễn Hồng Điệp
5	Ủy viên HĐQT	Nguyễn Hải Vân

Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ. Cơ cấu Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Trưởng BKS	Khiếu Minh Đồng
2	Thành viên BKS	Phạm Thiện Chiến
3	Thành viên BKS	Nguyễn Thị Vân Anh

Ban Giám đốc:

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc

thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc có quyền: tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật; xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty; đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng; ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật; báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty; thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Lê Văn Thục
2	Phó Giám đốc	Lê Văn Vũ
3	Phó Giám đốc	Nguyễn Hồng Điệp
4	Phó Giám đốc	Vũ Ngọc Nghĩa

Các phòng chức năng :

Hiện tại Công ty có 03 Phòng chức năng bao gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Kỹ thuật & Điều hành sản xuất, Phòng Kinh doanh. Các phòng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong việc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Các phòng chức năng có các Trưởng, Phó phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ trên. Chức năng cụ thể của các phòng chức năng này như sau:

Phòng Tổ chức – Hành chính:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty về công tác tổ chức bộ máy nhân sự và các công việc thuộc lĩnh vực hành chính của công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán

- Tham mưu về lĩnh vực tài chính kế toán và thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán theo quy định pháp luật Nhà Nước và theo điều lệ hoạt động của công ty đảm bảo quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, đồng thời tham mưu cho Giám đốc tìm mọi biện pháp kinh doanh có hiệu quả;

- Các chức năng khác theo sự phân công của HĐQT, Ban Giám đốc, tùy theo tình hình thực tế công việc.

Phòng Kinh doanh

- Phòng Kinh doanh là phòng chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác nghiên cứu phát triển thị trường, xúc tiến kinh doanh, tổng hợp Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn công ty.

Phòng Kỹ thuật & điều hành sản xuất

Phòng Kỹ thuật & điều hành sản xuất, là phòng chuyên môn nghiệp vụ tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý: Kỹ thuật thiết bị - công nghệ môi trường và tham mưu cho lãnh đạo công ty về công tác tổ chức điều hành sản xuất và quản lý chất lượng công việc sản xuất của công ty theo đúng pháp luật và qui định hiện hành.

5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra;
- Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiết kiệm chi phí.
- Khai thác, sử dụng giữ gìn tốt phương tiện vận chuyển xe cơ giới để tiết kiệm tối đa chi phí. Rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật phụ hợp điều kiện SXKD.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh nhưng có chọn lọc giữ vững phát huy thế mạnh truyền thống của công ty là dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải, tìm kiếm và phát triển các dự án mới.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý phân bùn bể phốt và 01 nhà máy xử lý rác theo công nghệ đốt rác phù hợp

6 CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD HOẶC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Rủi ro nền kinh tế

Năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), do đó, những biến động của kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2013, kết thúc với những dấu hiệu được cải thiện khá hơn so với năm 2012. Tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 5,42% gần mục tiêu 5,5% và cao hơn con số 5,25% năm 2012. Tuy nhiên, nền kinh tế còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho kinh doanh như: hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Bước sang năm 2014, Chính phủ tiếp tục xác định một trong những mục tiêu kinh tế- xã hội năm 2014 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam công bố ngày 27/12/2014, GDP năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013.

Theo IMF nền kinh tế thế giới năm 2015 phục hồi mạnh hơn, tăng trưởng toàn cầu được dự báo là 4% tăng 0,6 điểm % so với dự báo tăng trưởng năm 2014 (cao hơn khá nhiều mức tăng trưởng của năm 2013 so với 2012).

Mặc dù vậy, tình hình vẫn còn nhiều bất định: khủng hoảng Ucraina, kèm theo sự cấm vận của phương Tây với Nga, khủng hoảng và cuộc chiến chống Nhà nước Hồi giáo IS ở Trung Đông... sẽ tác động đến kinh tế toàn cầu

Kinh tế Việt Nam năm 2015 có mức phục hồi cao hơn và có khả năng đạt mức tăng trưởng từ 6%-6,2%. Lý do yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh đang được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt và sẽ có chuyển biến trên hầu hết các tiêu chí trong nửa đầu năm 2015. Nhiều khả năng hầu hết các Hiệp định mậu dịch tự do ta đang đàm phán sẽ được hoàn thành không muộn hơn 6 tháng đầu năm 2015. Điều này sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu, qua đó thúc đẩy tăng trưởng.

Thêm vào đó, vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung Ương, các Bộ, Các Ban ngành quan tâm và thường xuyên có các hướng chỉ đạo tới các bộ phận ở cấp dưới, các doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn. Đặc biệt, trong điều kiện Sơn Tây nay đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội thì Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây nói riêng có rất nhiều thuận lợi để phát triển thị trường. Điều này cũng đòi hỏi Công ty phải có những bước đi hợp lý để có thể cạnh tranh và phát triển với các công ty trong ngành.

Rủi ro về pháp luật

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của các hiệp hội... đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán ... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin theo các văn bản pháp luật, các thông tư hướng dẫn, các văn bản

này liên tục thay đổi yêu cầu doanh nghiệp phải nắm bắt được các nội dung của các văn bản mới để thực hiện tuân thủ nghĩa vụ Công bố thông tin đúng thời gian.

Rủi ro đặc thù

Giá cả nguyên vật liệu là nhân tố tác động trực tiếp tới chi phí và lợi nhuận của Công ty, chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Công ty tăng nhanh, trong khi đơn giá đặt hàng Doanh nghiệp đã ký trước với đối tác không kịp thay đổi để phù hợp với mức giá cả trên thị trường. Do đó, điều này ảnh hưởng tới lợi nhuận của từng hợp đồng của Công ty.

Mặt khác, với hoạt động cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường nhằm mục đích đảm bảo vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, cảnh quan thành phố, hoạt động của Công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm, trên địa bàn thành phố luôn phải chịu ảnh hưởng từ những trận mưa bão tác động tới hệ thống cây xanh, gây gãy đổ, hỏng hệ thống đèn đường, lề đường. Đây là một yếu tố khách quan không thể tránh khỏi, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2014, nền kinh tế thế giới mặc dù còn nhiều bất ổn nhưng đã có dấu hiệu hồi phục. Trong nước, mặt bằng lãi suất giữ ở mức thấp, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp và tăng trưởng kinh tế (GDP) ước đạt 5,98% so với năm 2013. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn để thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ kinh doanh, phát triển an toàn hiệu quả. Kết thúc năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những thành tựu sau: Tổng Doanh thu đạt 103.732.146.143 đồng, trong đó: Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 95.258.507.658 chiếm 91,8% trong Tổng Doanh thu của Công ty. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 14.101.288.345 đồng, giảm 39,5% so với năm 2013.

2 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách và lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Xuân Huynh	Chủ tịch HĐQT
Lê Văn Thục	Phó Chủ tịch HĐQT
Vũ Ngọc Nghĩa	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Hồng Điệp	Ủy viên HĐQT
Nguyễn Hải Vân	Ủy viên HĐQT

❖ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	:	NGUYỄN XUÂN HUYNH
Chức vụ tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	08/10/1959
Số CMND	:	010412264 do CA Hà Nội cấp ngày 28/08/2000
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Hồng An – Hưng Hà – Thái Bình
Địa chỉ thường trú	:	CH2001, Nhà 29T1 – No5 Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư
Quá trình công tác		

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 1982-1986	Tổng công ty Thủy điện Sông Đà Chức vụ: Đội trưởng
Từ 1986-1994	Nhà Máy đóng tàu Hà Nội Chức vụ Quản đốc
Từ 1994- 4/2012	Phó Tổng giám đốc công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội –
Từ 5/2012 – 4/2014	Phó Tổng giám đốc công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 5/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội – Chủ tịch HĐQT CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân :0 : Người có liên quan: 0

Họ và tên	:	LÊ VĂN THỤC
Chức vụ tại Công ty	:	Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc điều hành
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/10/1953
Số CMND	:	112008103 do CA Hà Tây cấp ngày 14/7/2004

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Văn Giang – Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 17 – Phố Đốc Ngữ – Tx Sơn Tây – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
 Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 9/1971 – 9/1972	Học tại trường đại học ngoại ngữ Hà Nội
Từ 10/1972 – 7/1976	Học tại trường Đại học Giao thông Dresden – Cộng hoà dân chủ Đức
Từ 4/1978	Giáo viên trường Công nhân kỹ thuật – XNLH CT II
Từ 1978 – 1988	Phó trưởng phòng giáo vụ trường công nhân kỹ thuật I – Bộ Giao thông vận tải
Từ 3/1988	Công tác tại xí nghiệp Công trình Đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Từ 3/1993 – 9/2008	Phó Giám đốc Công ty môi trường Đô thị Sơn Tây – Hà Tây
Từ 10/2008 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 20.000 cổ phần : Người có liên quan: 0

Họ và tên	: VŨ NGỌC NGHĨA
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 25/06/1979
Số CMND	: 001079003779 cấp ngày 14/11/2014
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Đông Quang – Ba Vì – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Đông Quang – Ba Vì – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Quá trình công tác	:

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 6/2000 – 6/2001	Kế toán công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang

Từ 6/2001 – 6/2004 Trưởng phòng kế hoạch công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang

Từ 7/2004 – 11/2013 Phó Giám đốc công ty XD và chế biến Lâm sản Đông Quang – chủ tịch công đoàn ngành cơ sở thuộc công đoàn ngành xây dựng

Từ 01/2014 – 4/2014 Phó trưởng phòng KH – KT công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Từ 5/2014 đến nay Thành viên HĐQT – Phó giám đốc công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Số cổ phần sở hữu : Cá nhân : 245.400 cổ phần
: Người có liên quan: 0

Họ và tên	: NGUYỄN HỒNG DIỆP
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 22/7/1958
Số CMND	: 111696794 do CA Hà Tây cấp ngày 27/2/2006
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thôn Thiều Xuân, Viên, Sơn Tây – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Phường Phú Thịnh - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư
Quá trình công tác	

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 2/1976 – 2/1988	F 520 Bộ Tư lệnh Công Binh – Vĩnh Phú
Từ 3/1988– 9/2008	Đội trưởng đội công viên cây xanh– Công ty Môi trường đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 – 6/2013	Đội trưởng đội công viên cây xanh – Thành viên HĐQT Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Từ 7/2013 - nay	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 9.701 cổ phần : Người có liên quan: 0

Họ và tên	: NGUYỄN HẢI VÂN
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 16/08/1969
Số CMND	: 111410118 cấp ngày 22/12/2007
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Long Xuyên – Phúc Thọ - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Phố La Thành – Viên Sơn – Sơn Tây
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 1990 -1997	Nhân viên công ty Cảng Sơn Tây Cán bộ phòng kế hoạch – Phó phòng kế hoạch – Trưởng phòng tổ chức – Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT công ty CP Lâm sản Sơn Tây
Từ 1998 – 4/2014	Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT công ty CP Lâm sản Sơn Tây
Từ 4/2014 - nay	Thành viên HĐQT công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 117.825 cổ phần : Người có liên quan: 0

Danh sách và lý lịch của thành viên Ban kiểm soát

❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Khiếu Minh Đồng	Trưởng Ban kiểm soát
Phạm Thiện Chiến	Thành viên
Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên

❖ Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	: KHIẾU MINH ĐỒNG
Chức vụ tại Công ty	: Trưởng ban Kiểm soát
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 27/08/1970

Số CMND : 112524658 do CA Hà Tây cấp ngày 9/7/2008
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Ba Vì – Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Phường Lê Lợi - Tx Sơn Tây – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 5/1994 – 12/1999	Công nhân CT Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây
Từ 1/2000 – 12/2004	Nhân viên thu phí tại Công ty Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 1/2005 – 5/2006	Công nhân CT Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 6/2006 – 9/2008	Đội phó đội môi trường số 4 - Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 đến 4/2012	Đội phó đội môi trường số 4 – Ủy viên Ban Kiểm Soát – Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây
Từ T4/2012 đến 4/2014	Đội trưởng đội xử lý rác – Ủy viên Ban Kiểm Soát - Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây
Từ 4/2014 đến nay	Đội trưởng đội xử lý rác – Trưởng ban Ban Kiểm Soát - Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 5.956 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần

Họ và tên	: PHẠM THIÊN CHIẾN
Chức vụ tại Công ty	: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/09/1969
Số CMND	: 012175354 cấp ngày 11/10/2012

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
Địa chỉ thường trú : P1602 – 17T4 Khu đô thị Trung Hòa
– Nhân Chính
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Năm 2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT công ty CP Xanh Hà Nội
Năm 2004 đến nay	Giám đốc công ty TNHH Thương mại Tân Đại Lục Hà Nội
Năm 2012 đến nay	Ban điều hành nhà máy xử lý rác thải HTX Thành Công tại xã Xuân Sơn – Sơn Tây – Hà Nội
Từ 4/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 40.833 cổ phần : Người có liên quan: 0

Họ và tên	: NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Chức vụ tại Công ty	: Trưởng phòng Kinh doanh - Ủy viên BKS
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 29/02/1980
Số CMND	: 111529196 do CA Hà Nội cấp ngày 25/05/2013.
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phụng Châu – Chương Mỹ - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Nghĩa Phú – Trung Hưng - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư

Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 4/2007 – 4/2010	Chuyên viên Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 5/2010 – 12/2012	Chuyên viên Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Từ 12/2012 – 11/2014	Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Từ 12/2014 đến nay	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây - Ủy viên BKS
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 5.891 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	0 cổ phần

Danh sách và lý lịch của Ban Giám đốc

❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thục	Giám đốc
Ông Lê Văn Vũ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Phó Giám đốc

❖ Lý lịch Ban Giám đốc

Họ và tên	: LÊ VĂN THỤC
(Nêu mục Thành viên HĐQT)	
Họ và tên	: NGUYỄN HỒNG ĐIỆP
(Nêu mục Thành viên HĐQT)	
Họ và tên	: VŨ NGỌC NGHĨA
(Nêu mục Thành viên HĐQT)	
Họ và tên	: LÊ VĂN VŨ
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc điều hành
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 18/10/1955
Số CMND	: 112353277 do CA Hà Tây cấp ngày 18/9/2006

Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Phúc Thọ – Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Thanh Mỹ - Tx Sơn Tây – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 10/1974 – 10/1977	Sở chỉ huy quân sự Hà Sơn Bình
Từ 11/1977 – 8/1982	Thị uỷ Sơn Tây
Từ 8/1982- 12/1989	UBND Thị xã Sơn Tây
Từ 1/1990 – 11/1991	Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây
Từ 12/1991 – 3/2008	Đội trưởng đội MT4 - Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 -4/2014	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Từ 5/2014 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 14.282 cổ phần

Danh sách và lý lịch kế toán trưởng

Bà Vũ Kim Hoa – Kế toán trưởng

❖ Lý lịch Kế toán trưởng:

Họ và tên	: VŨ KIM HOA
Chức vụ tại Công ty	: Kế toán trưởng
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 02/08/1979
Số CMND	: 111456440 do CA Hà Nội cấp ngày 05/11/2011
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Sơn Tây – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Phường Phú Thịnh - Tx Sơn Tây – Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 3/2002 – 3/2004	Nhân viên kế toán tại T.Tâm Thương Mại Việt Nam - Cổ- oet
Từ 12/2004 – 9/2008	Kế toán viên tại Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây
Từ 10/2008 – 5/2010	Kế toán viên - Ủy viên ban kiểm soát - Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 6/2010-3/2011	Quyền kế toán trưởng – Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Từ 4/2011 đến nay	Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 10.038 cổ phần :

2.2. Thay đổi Ban điều hành trong năm: Có

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05 NQ/HĐQT ngày 19/04/2014 của Hội đồng quản trị

Bổ nhiệm: Ông Lê Văn Thục – giữ chức vụ Giám đốc Công ty

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01 NQ/HĐQT ngày 15/05/2014 của Hội đồng quản trị :

Bổ nhiệm: Ông Vũ Ngọc Nghĩa

- + Chức vụ hiện tại: Phó trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật
- + Được bổ nhiệm giữ chức vụ: Phó Giám đốc của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây
- + Thời hạn bổ nhiệm: 15/05/2014
- + Ngày bắt đầu có hiệu lực: 15/05/2014

Miễn nhiệm: Bà Phùng Thị Nhưòng

- + Không còn đảm nhận chức vụ: Phó Giám đốc
- + Lý do miễn nhiệm: Nghỉ hưu theo chế độ
- + Ngày bắt đầu có hiệu lực: 15/05/2014

📌 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động.


Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2014 là 562 người. trong đó:

TT	Nội dung	Số người
----	----------	----------

1	Trình độ đại học	30
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	57
3	Công nhân kỹ thuật	38
4	Lao động phổ thông	437
	Tổng cộng	562

Chính sách lao động: người lao động đã được ký kết hợp đồng lao động tại công ty sẽ được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo Nội quy, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của công ty.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

 **Các khoản đầu tư lớn:** Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn.

Không có

 **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THỜI ĐIỂM 31/12/2014:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2013 (đồng)	31/12/2014 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	81,861,918,844	80,743,872,478	-1.37%
Doanh thu thuần	113,618,412,797	95,258,507,658	-16.16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31,002,020,905	11,981,291,835	-61.35%
Lợi nhuận khác	58,032,973	6,121,220,775	10447.83%
Lợi nhuận trước thuế	31,060,053,878	18,102,512,610	-41.72%
Lợi nhuận sau thuế	23,295,040,408	14,101,288,345	-39.47%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20%	-33.33%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,34	4,12	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,31	4,08	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	25,2%	21,2%	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	34,4%	27,3%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (vòng)	160	101	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,38	1,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,5%	14,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	38,8%	22,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	28,4%	17,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	27,3%	12,58%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.876.000 cổ phần

+ Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.769.703 cổ phần

+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 106.297 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	1000 đồng	Tỷ lệ (%)
	Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu:	18.760.000	100
	- Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên (bao gồm cổ đông sáng lập là cổ đông lớn):	961.125	51,23
	- Cổ đông lớn nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu:	380.904	20,3
	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	533.971	28,47
	Trong đó:	4.858.930	25,90
	- Nhà nước:	4.858.930	25,90
	- Người nước ngoài:	0	0

🚩 Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5%:

Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (1.000VND)
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	25,90	485.893	4.858.930
Vũ Ngọc Nghĩa	13,08	245.400	2.454.000
Nguyễn Hải Vân	6,28	117.825	1.178.250
Phạm Thị Chinh	5,97	112.007	1.120.070
Tổng cộng	51,23	961.125	9.611.250

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi trong năm 2014

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Toàn bộ Cổ phiếu Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây là cổ phiếu phổ thông

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua một số chỉ tiêu chính năm 2014

như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2014	TH năm 2014	Tỷ lệ % TH/KH năm 2014
1	Tổng doanh thu	tỷ VND	102	103,435	101,4
2	Tổng chi phí	tỷ VND	84	85,333	110,58
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ VND	18	18,103	100,57
4	Thuế TNDN	tỷ VND	3,96	4	101,0
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND	14	14,1	100

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Thay đổi 2014 so với 2013 (%)
1	Tổng tài sản	81.861.918.844	80.743.872.478	-1,37%
2	Tài sản ngắn hạn	68.729.196.412	70.683.834.192	2,84%
3	Phải thu ngắn hạn	25.014.042.005	31.762.393.933	26,98%
4	Tài sản dài hạn	13.132.722.432	10.060.038.286	-23,4%
5	Phải thu dài hạn	-	-	

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng tài sản của Công ty là 80.743.872.478 đồng, giảm 1,37% tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2013. Nguyên nhân là do sụt giảm mạnh tương ứng 23,4% trong giá tài sản dài hạn và đạt 10.060.038.286 đồng vào cuối 2014.

b. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Thay đổi 2014 so với 2013 (%)
I. Nợ ngắn hạn	20.596.882.005	17.147.467.622	-16,75%
1. Vay và nợ ngắn hạn	-	-	
2. Phải trả người bán	1.071.769.660	6.488.511.294	505,40%
3. Người mua trả tiền trước	-	-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.369.397.200	2.969.578.542	-11,87%
5. Phải trả người lao động	12.856.731.200	4.965.648.000	-61,38%
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	346.997.450	495.271.200	42,73%
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.951.986.495	2.228.458.586	-24,51%
II. Nợ dài hạn	-	-	

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty chỉ là nợ ngắn hạn và có xu hướng giảm trong năm 2014 (giảm 16,75% so với năm 2013 và đạt 17.147.467.622 đồng. Trong khi các khoản thuế, phải trả người lao động, các khoản phải trả phải nộp khác giảm thì khoản phải trả người bán lại gia tăng đáng kể với tỷ lệ 505,40%.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- **Những cải tiến về chính sách, quản lý:**
 - Từng bước tổ chức lại Doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.
- **Các biện pháp kiểm soát của Công ty**

- Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty ngày càng nghiêm túc hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của mặt hàng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc, trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ và quy trình xuất- nhập khẩu vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015: Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh Ban lãnh đạo Công ty đề ra cho năm 2015 như sau:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nâng cao năng lực tham mưu, điều hành của các phòng chức năng và các đội sản xuất trong công ty. Sắp xếp, kiện toàn lại các phòng chức năng, các đội sản xuất... đảm bảo chuẩn bị tốt nhất sẵn sàng tham gia đấu thầu các gói hàng của năm 2016 và những năm tiếp theo

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với quy định mới của pháp luật, định hướng phát triển SXKD của công ty.

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ, tay nghề của công nhân.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2014 là năm HĐQT mới của nhiệm kỳ II được ĐHĐCĐ bầu ra với 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia trực tiếp hoạt động điều hành SXKD tại công ty và 02 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành SXKD. HĐQT mới đã bầu ra Ban điều hành và xây dựng quy chế hoạt động của HĐQT - sự phối hợp giữa HĐQT với Ban giám đốc điều hành - Ban kiểm soát và Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.

Trong năm qua HĐQT hoạt động tích cực, phát huy được tình thần trách nhiệm của từng thành viên. Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường niên của HĐQT và đóng góp những ý kiến sát thực về công tác tổ chức, công tác cán bộ cũng như điều hành hoạt động SXKD

HĐQT hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Trong năm 2014, HĐQT đã tiến hành 12 phiên họp, ra 10 Nghị quyết, 13 Quyết định phục vụ điều hành SXKD, kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm cán bộ. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định, mở rộng tới trưởng ban kiểm soát, các trưởng phòng chức năng cùng tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến vì vậy tất cả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành có tính định hướng, chỉ đạo sát thực tế phù hợp với hoạt động SXKD tại công ty.

HĐQT phân công trách nhiệm các thành viên trong HĐQT và Ban giám đốc, thường xuyên giám sát tạo điều kiện để Ban giám đốc điều hành tổ chức thực thi các Nghị quyết của HĐQT góp phần quan trọng vào việc ổn định tổ chức, ổn định sản xuất sau một năm hoạt động. Do đó năm 2014 đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.

Căn cứ nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, cùng với những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế như đã nêu, trong năm qua HĐQT Công ty đã theo dõi những biến động của Thị trường và chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động điều hành thông qua những nghị quyết cụ thể. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty như sau:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014: Năm 2014, cùng với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên và lãnh đạo Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những thành tựu đáng kể, các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với kế hoạch đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 là: 9%/mệnh giá

Kết quả đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	KH Năm 2014 (tỷ đồng)	TH Năm 2014 (tỷ đồng)	SS TH/ KH (%)
1	Tổng doanh thu	102	103,435	101,4
2	Tổng chi phí	84	85,333	101,58
3	LN trước thuế	18	18,103	100,57
4	Thu nộp ngân sách	3,96	4,001	101
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	20	20	100

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG

CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT tổ chức các cuộc họp thường kỳ để triển khai các kế hoạch SXKD của tháng, quý. Tại các buổi họp HĐQT đều ra các nghị quyết và phân công các thành viên HĐQT, Ban giám đốc chịu trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

- Tại các buổi họp HĐQT thường kỳ tháng kế tiếp HĐQT nghe thành viên trong Ban giám đốc báo cáo việc triển khai các nhiệm vụ theo nghị quyết đã được phân công.
- Chỉ đạo Ban giám đốc và các tiểu ban thuộc HĐQT tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2014 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2014.
- Một số thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao Ban của Giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Việc Giám sát HĐQT đối với Ban giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2014.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Duy trì đều đặn các kỳ họp thường kỳ hàng tháng để kịp thời triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đồng thời đề ra nhiệm vụ SXKD để ban giám đốc thực hiện.

Chỉ đạo từng bước thực hiện công tác tổ chức, công tác cán bộ theo phù hợp điều kiện SXKD mới. Yêu cầu thực hiện rà soát, hoàn thiện hồ sơ năng lực (phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị chuyên dùng, nhân lực, tài chính...) sẵn sàng tham gia đấu thầu.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của công ty đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Pháp luật, nhằm nâng cao công tác quản trị và của ban giám đốc trong điều hành mọi hoạt động SXKD của công ty.

Chỉ đạo tập trung nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực SXKD mới như: xử lý phân bùn bể phốt; xử lý rác, lập đề án trình ĐHĐCĐ quyết định đầu tư.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Xuân Huynh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Lê Văn Thục	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên
4. Ông Nguyễn Hải Vân	Thành viên
5. Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Thành viên

Ban kiểm soát:

1. Ông Khiếu Minh Đồng	Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Phạm Thiện Chiến	Ủy viên
3. Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

1. Ông Lê Văn Thục	Giám đốc Công ty
2. Ông Lê Văn Vũ	Phó Giám đốc
3. Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Giám đốc
4. Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Phó Giám đốc

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- **Ban kiểm soát:** Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT thường niên hàng tháng và kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính công ty. Báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Ban thư ký:** Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo lệnh của chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát và chuẩn bị tài liệu các cuộc họp - Ghi biên bản các

cuộc họp và ra thông báo, nghị quyết các kỳ họp của HĐQT. Tư vấn về các thủ tục cuộc họp.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Hà Ngọc Tản	Chủ tịch HĐQT	4	33,33	Thôi chức danh chủ tịch HĐQT từ ngày 11/04/2014
2	Lê Văn Thục	P. chủ tịch HĐQT	12	100	
3	Lê Văn Vũ	T. viên HĐQT	4	33,33	Thôi chức danh thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2014
4	Nguyễn Xuân Huynh	T. viên HĐQT	11	91,67	
5	Nguyễn Hồng Điệp	T. viên HĐQT	12	100	
6	Nguyễn Hải Vân	T. viên HĐQT	8	66,67	Bắt đầu chức danh thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2014
7	Vũ Ngọc Nghĩa	T. viên HĐQT	8	66,67	Bắt đầu chức danh thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2014

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Ông Nguyễn Xuân Huynh

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Ông Nguyễn Hải Vân

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (Không có)

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

2. BAN KIỂM SOÁT

1	Khiếu Minh Đồng	Trưởng ban kiểm soát
2	Phạm Thiện Chiến	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên BKS

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 đã thực hiện các công việc giám sát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty. Thực hiện tốt qui chế làm việc, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị - Ban giám đốc – Ban kiểm soát. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Ban kiểm soát tổ chức các thành viên họp định kỳ và đột xuất để tổng kết các công việc đã triển khai và thống nhất nội dung cũng như các ý kiến đưa ra trong các phiên họp HĐQT.

- Ban kiểm soát tham gia tất cả các buổi họp HĐQT, BGĐ công ty trong việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2014 cũng như các buổi họp hàng tháng, hàng quý về việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD của công ty.

- Kiểm tra giám sát việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014; các QĐ của giám đốc công ty đối với cán bộ, công nhân lao động và các bộ phận chuyên môn.

- Ban kiểm soát kiểm tra, xem xét các báo cáo sơ, tổng kết hoạt động SXKD; sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014.

- Kiểm soát việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tổ chức hoạt động SXKD của HĐQT, BGĐ công ty theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát đầu tư XD CB, mua sắm, thanh lý, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị của công ty.

- Giám sát việc trích lập các quỹ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn và cổ tức cho các cổ đông.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc thực thi, công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2014, ban kiểm soát kiến nghị sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát.

STT	Nội dung	Kế hoạch 2014 (đồng)	Quyết toán 2014(đồng)	So sánh % KH/Q.toán
	Tổng cộng	480.000.000	466.615.000	99,7
1	Thành viên HĐQT	360.000.000	346.615.000	99,6
2	Thành viên Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000	100

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Vũ Ngọc Nghĩa	Ủy viên HĐQT	243.381	12,97	245.400	13,08	Mua
2	Phùng Thị Nhưường	NCLQ	18.751	1,0	21.151	1,13	Mua
3	Phạm Thị Chính	Cổ đông lớn	97.646	5,2	112.007	5,97	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên). Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty). Không có

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500239004.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 03 tháng 10 năm 2014, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 18.760.000.000 đồng.(Mười tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Huynh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Hải Vân	Thành viên
Ông Lê Văn Thục	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Văn Thục	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vũ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nghĩa	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc khẳng định các vấn đề sau đây

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phân ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, Chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

(Đã ký)

Lê Văn Thục

Số. /2015/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0313 – 2014 – 045 – 1

Nguyễn Trung Kiên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1129 – 2014 – 045 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		70.683.834.192	68.729.196.412
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	35.148.112.142	43.096.586.037
1	Tiền	111		13.148.112.142	10.026.411.037
2	Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	33.070.175.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.000.000.000	0
1	Đầu tư ngắn hạn	121		3.000.000.000	0
3	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.762.393.933	25.014.042.005
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	28.702.568.176	22.586.381.851
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	1.860.000.000	413.504.154
5	Các khoản phải thu khác	138	V.05	1.218.629.751	2.014.156.000
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.803.994)	0
IV	Hàng tồn kho	140	V.06	762.090.117	464.686.526
1	Hàng tồn kho	141		762.090.117	464.686.526
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.238.000	153.881.844
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	53.459.149
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		0	100.422.695
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	11.238.000	0
B	Tài sản dài hạn	200		10.060.038.286	13.132.722.432
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II	Tài sản cố định	220		8.398.331.436	11.538.600.464
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.033.010.436	11.442.783.464
	- Nguyên giá	222		43.882.426.291	43.882.426.291
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.849.415.855)	(32.439.642.827)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	365.321.000	95.817.000
III	Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.661.706.850	1.594.121.968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.661.706.850	1.594.121.968
	Tổng cộng tài sản	270		80.743.872.478	81.861.918.844

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		17.147.467.622	20.596.882.005
I	Nợ ngắn hạn	310		17.147.467.622	20.596.882.005
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2	Phải trả người bán	312	V.11	6.488.511.294	1.071.769.660
3	Người mua trả tiền trước	313		0	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.969.578.542	3.369.397.200
5	Phải trả người lao động	315		4.965.648.000	12.856.731.200
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		495.271.200	346.997.450
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.228.458.586	2.951.986.495
II	Nợ dài hạn	330		0	0
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		63.596.404.856	61.265.036.839
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	62.825.197.950	59.900.709.605
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		23.776.757.977	12.128.757.977
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.406.512.000	3.406.512.000
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.871.962.973	25.595.474.628
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.14	771.206.906	1.364.327.234
2	Nguồn kinh phí	431		(26.436.500)	(26.436.500)
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		797.643.406	1.390.763.734
	Tổng cộng nguồn vốn	440		80.743.872.478	81.861.918.844

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đinh Ngọc Quyền

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	95.281.198.567	114.402.596.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	22.690.909	784.183.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.258.507.658	113.618.412.797
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	77.035.616.350	74.390.252.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.222.891.308	39.228.160.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.970.762.004	1.671.088.821
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	1.932.132	1.263.889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.932.132</i>	<i>1.263.889</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.210.429.345	9.895.964.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.981.291.835	31.002.020.905
11. Thu nhập khác	31	VI.20	6.502.876.481	64.472.973
12. Chi phí khác	32	VI.21	381.655.706	6.440.000
13. Lợi nhuận khác	40		6.121.220.775	58.032.973
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.102.512.610	31.060.053.878
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	4.001.224.265	7.765.013.470
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.101.288.345	23.295.040.408
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.23	7.517	12.417

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đinh Ngọc Quyền

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	96.283.051.970	109.978.086.937
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(36.897.016.669)	(35.739.000.321)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(43.399.144.116)	(46.088.098.730)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1.932.132)	(1.263.889)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(5.846.865.543)	(6.911.296.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.293.570.020	1.983.103.743
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.141.740.055)	(6.596.238.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.289.923.475	16.625.292.111
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	(198.582.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.500.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.839.784.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.937.000	1.671.088.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.608.279.000)	1.472.506.821
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.953.583.359	650.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.953.583.359)	(650.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.630.118.370)	(5.294.001.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.630.118.370)	(5.294.001.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.948.473.895)	12.803.797.732
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.096.586.037	30.292.788.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.148.112.142	43.096.586.037

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đinh Ngọc Quyền

Vũ Kim Hoa

Lê Văn Thục

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 10 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0500239004.

Vốn điều lệ của Công ty là: 18.760.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Cổ đông nhà nước	485.893	4.858.930.000	25,9%
2	Cổ đông khác	1.390.107	13.901.070.000	74,1%
Tổng		1.876.000	18.760.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: thương mại, dịch vụ, xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý mua, bán máy móc thiết bị vật tư, vật liệu chuyên dùng ngành môi trường đô thị, vật liệu xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (của doanh nghiệp vừa sản xuất kinh doanh, vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2014, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đối với tài sản cố định đặc thù
- Lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả các công trình

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

11.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính Kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	502.627.551	44.295.898
Tiền gửi ngân hàng	12.645.484.591	9.982.115.139
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	33.070.175.000
Cộng	35.148.112.142	43.096.586.037
<p>(*) Là khoản tiền gửi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng số tiền 9.000.000.000 đồng và khoản tiền gửi Ngân hàng Agribank có kỳ hạn 3 tháng số tiền 13.000.000.000 đồng</p>		
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền cho Công ty TNHH SXDV và TM Quang Minh vay	3.000.000.000	0
Cộng	3.000.000.000	0
3 Các khoản phải thu khách hàng	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ban duy tu Sở XD	9.730.715.000	1.864.785.000
Ban đầu tư XD thị xã Sơn Tây	13.240.849.682	17.494.219.825
Học viện Biên phòng	34.650.000	0
Hợp tác xã Thành Công	18.803.994	18.803.994
Trường sỹ quan pháo binh	39.000.000	29.640.000
Phòng quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	497.291.500	472.127.500
Công ty môi trường và công trình đô thị Ba Vì	87.270.000	87.270.000
Phòng tài nguyên và môi trường huyện Phúc Thọ	4.961.204.000	100.130
BQL vốn sự nghiệp đảm bảo VSMT thị xã Sơn Tây	0	2.563.245.402
Công ty TNHH SXDV và thương mại Quang Minh	76.824.000	0
Khách hàng khác	15.960.000	56.190.000
Cộng	28.702.568.176	22.586.381.851
4 Trả trước cho người bán	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty CP Công nghiệp môi trường 9- URENCO9	1.860.000.000	0
Công ty TNHH Khang Minh	0	150.000.000
Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	0	137.304.154
Khách hàng khác	0	126.200.000
Cộng	1.860.000.000	413.504.154

5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ban duy tu các công trình hạ tầng đô thị (cho vay mượn kinh phí tạm cư, phun thuốc)	708.877.851	909.013.000
Trung tâm y tế huyện Ba Vì (CP phun thuốc phòng chống dịch bệnh tại khu XLR)	424.656.000	40.000.000
Công ty TNHH SXDV và Thương mại Quang Minh	0	1.000.000.000
Phải thu khác	85.095.900	65.143.000
Cộng	1.218.629.751	2.014.156.000
6 Hàng tồn kho	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	328.301.402	373.337.628
- Công cụ dụng cụ	7.000.000	7.000.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.650.000	0
- Thành phẩm	258.138.715	84.348.898
Cộng giá gốc hàng tồn kho	762.090.117	464.686.526
7 Tài sản ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.238.000	0
- Ký quỹ bảo lãnh ký hợp đồng	11.238.000	
Cộng	11.238.000	0

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tài sản công cộng được giao quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	784.041.600	13.504.323.014	43.882.426.291
Số dư cuối năm	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	784.041.600	13.504.323.014	43.882.426.291
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.656.315.458	18.285.470.539	30.000.000	354.297.550	12.113.559.280	32.439.642.827
- Khấu hao trong năm	406.882.896	2.224.473.664	0	185.296.140	593.120.328	3.409.773.028
Số dư cuối năm	2.063.198.354	20.509.944.203	30.000.000	539.593.690	12.706.679.608	35.849.415.855
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	2.363.921.542	7.258.354.138	0	429.744.050	1.390.763.734	11.442.783.464
2. Tại ngày cuối năm	1.957.038.646	5.033.880.474	0	244.447.910	797.643.406	8.033.010.436

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí đầu tư xây dựng trụ sở mới	365.321.000	95.817.000
Cộng	365.321.000	95.817.000
10 Chi phí trả trước dài hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần	1.661.706.850	1.594.121.968
Cộng	1.661.706.850	1.594.121.968
11 Phải trả người bán	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh nghiệp tư nhân thương mạiXD Đức Thắng	73.899.210	80.234.176
Công ty TNHH Khang Minh	15.143.400	0
Công ty CP chiếu sáng LED và thiết bị công nghệ	47.491.200	0
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quang Minh	6.086.219.484	367.378.484
Cty CP tư vấn điện chiếu sáng Bình Minh	0	300.030.000
Khách hàng khác	265.758.000	324.127.000
Cộng	6.488.511.294	1.071.769.660
12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế giá trị gia tăng	1.351.938.602	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.031.590	3.331.754.200
- Thuế thu nhập cá nhân	12.608.350	37.643.000
Cộng	2.969.578.542	3.369.397.200

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Địa chỉ: Số 2 phố Phùng Hưng, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chínhCho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2014**13. Vốn chủ sở hữu****13.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	6	7	9	10
- Số dư đầu năm trước	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	4.781.740.755	39.086.975.732
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi tăng trong năm trước					23.295.040.408	23.295.040.408
- Tăng khác					29.212.321	29.212.321
- Trả cổ tức					(2.063.600.000)	(2.063.600.000)
- Giảm khác					(446.918.856)	(446.918.856)
- Số dư cuối năm trước	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	25.595.474.628	59.900.709.605
- Số dư đầu năm nay	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	25.595.474.628	59.900.709.605
- Lãi tăng trong năm					14.101.288.345	14.101.288.345
- Trích lập các quỹ			11.648.000.000		(17.472.000.000)	(5.824.000.000)
- Trả cổ tức					(5.252.800.000)	(5.252.800.000)
- Giảm khác (*)					(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm nay	18.760.000.000	9.965.000	23.776.757.977	3.406.512.000	16.871.962.973	62.825.197.950

(*) Theo Nghị quyết số 04-NQ/HĐQT-CT Nghị quyết phiên họp hội đồng quản trị ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty quyết định trích 100.000.000 đồng từ lợi nhuận để thiết thực tri ân và hỗ trợ hoạt động của Thị xã.

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vốn góp của các Cổ đông	18.760.000.000	18.760.000.000
- Cổ đông nhà nước	4.858.930.000	4.858.930.000
- Cổ đông khác	13.901.070.000	13.901.070.000
Cộng	18.760.000.000	18.760.000.000

13.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.876.000	1.876.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	1.876.000	1.876.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.876.000</i>	<i>1.876.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.876.000</i>	<i>1.876.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	1.876.000	1.876.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

14. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số dư đầu năm	(26.436.500)	1.390.763.734	1.364.327.234
Tăng trong năm	0	0	0
Giảm trong năm	0	(593.120.328)	0
<i>Giảm do trích khấu hao</i>	<i>0</i>	<i>(593.120.328)</i>	<i>(593.120.328)</i>
Số dư cuối năm	(26.436.500)	797.643.406	771.206.906

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

15	Doanh thu bán hàng	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Doanh thu bán hàng	1.190.645.453	1.865.910.811
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.090.553.114	112.536.685.369
	Cộng	95.281.198.567	114.402.596.180
16	Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Hàng bán bị trả lại	22.690.909	784.183.383
	Cộng	22.690.909	784.183.383
17	Giá vốn hàng bán	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.160.338.343	1.120.492.910
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.875.278.007	73.269.759.288
	Cộng	77.035.616.350	74.390.252.198
18	Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.970.762.004	1.671.088.821
	Cộng	1.970.762.004	1.671.088.821
19	Chi phí tài chính	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Chi phí lãi vay	1.932.132	1.263.889
	Cộng	1.932.132	1.263.889
20	Thu nhập khác	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Thanh lý công cụ dụng cụ	30.988.186	0
	Doanh thu từ các năm trước	296.785.295	0
	Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương năm 2013 (*)	6.105.263.000	0
	Thu nhập khác	69.840.000	64.472.973
	Cộng	6.502.876.481	64.472.973
	(*) Là khoản hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương Công ty đã trích lập trong năm 2013, tới thời điểm 31/12/2014 chưa chi trả cho người lao động		
21	Chi phí khác	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Tiền phạt theo biên bản phạt thuế	223.063.229	
	Chi phí khác	158.592.477	6.440.000
	Cộng	381.655.706	6.440.000

Số dư ngày 31/12/2014

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	6.488.511.294
- Người mua trả tiền trước	0
- Phải trả khác	495.271.200

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	6.488.511.294	0	6.488.511.294
- Người mua trả trước	0	0	0
- Phải trả khác	495.271.200	0	495.271.200
- Vay ngắn hạn	0	0	0
- Vay dài hạn	0	0	0

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán MHD

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>
Đinh Ngọc Quyền	Vũ Kim Hoa	Lê Văn Thục

Sơn Tây, ngày 13 tháng 04 năm 2015
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

LÊ VĂN THỤC

